

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-3-2021

V/v : Tranh chấp hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tạo.

2. Ông Đỗ Ngọc Cận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Thu S**, sinh năm 19XX (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Trần Duy L**, sinh năm 19XX (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị Thu S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Thu S và ông Trần Duy L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996 không có đăng ký kết hôn. Đến khi con bà S và ông L chuẩn bị vào lớp 01 thì bà S đến UBND phường D, thành phố ST để làm Giấy khai sinh cho con đi học thì cán bộ phường nói phải có Giấy chứng nhận kết hôn của ông, bà. Thời gian này do ông L đang chấp hành án tại Cơ sở giáo dục huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên không có mặt ông L để ký Giấy chứng nhận kết hôn được. Sau đó vào ngày 21/12/2003 UBND phường D cấp cho bà S Giấy khai sinh (đăng ký quá hạn) của con chung tên Trần Thị Mỹ L1. Khi bà S làm đơn khởi kiện gửi Tòa án thì bà S có đến UBND phường D để xin cấp trích lục kết hôn thì được UBND phường D cấp Trích lục kết hôn số 169/TLKH-BS ngày 24/02/2020. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc nhưng đến khi có con thì ông L thường xuyên đi nhậu về có hành vi bạo lực gia đình đánh đập bà S vô cớ. Vợ chồng thường xảy ra cãi lộn và xô xát lẫn nhau bị công an phường D lập biên bản rất nhiều lần.

Quá sức chịu đựng nên bà S và ông L đã sống ly thân từ tháng 5/2019 cho đến nay. Ngày 30/11/2019 trên đường đi làm về thì bà S bị ông L chặn đường đánh gây thương tích. Nay bà S nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà S yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Dương Thị Thu S và ông Trần Duy L có một con chung tên là Trần Thị Mỹ L1 (nữ), sinh ngày 23/6/1997. Đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên hòa giải ngày 17/12/2020, bị đơn ông Trần Duy L trình**

bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L thống nhất về thời gian chung sống với nhau và không có đăng ký kết hôn tại thời điểm đó là đúng. Đến khi con bà S và ông L chuẩn bị vào lớp 01 thì bà S đến UBND phường D, thành phố Sóc Trăng để làm Giấy khai sinh cho con đi học thì cán bộ phường nói phải có Giấy chứng nhận kết hôn của ông, bà. Thời gian này do ông L đang chấp hành án tại Cơ sở giáo dục huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên không có mặt ông L để ký Giấy chứng nhận kết hôn được. Sau đó vào ngày 21/12/2003 UBND phường D cấp cho bà S Giấy khai sinh (đăng ký quá hạn) của con chung tên Trần Thị Mỹ L1 như bà S trình bày là đúng.

Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn không phải vậy, nguyên nhân là do bà S thường xuyên ăn nhậu với người đàn ông khác và có mối quan hệ quá thân mật nên ông L ghen từ đó mới xảy ra xô xát chứ không phải tự nhiên ông L đánh bà S vô cớ. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau và bà S bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 5/2019 vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay.

Ông L cho rằng trước đây bà S kêu ông L đi triệt sản nên ông L đã nghe lời bà S đi triệt sản. Nay ông L đồng ý ly hôn với điều kiện bà S phải dẫn ông L đến bệnh viện để mở đình sản cho ông L nếu không thì ông L không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Dương Thị Thu S và ông Trần Duy L có một con chung tên là Trần Thị Mỹ L1 (nữ), sinh ngày 23/6/1997. Đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại

phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông Trần Duy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Thu S và ông Trần Duy L xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Bà S cho rằng trong quá trình chung sống do ông, bà không hợp nhau về tính tình, do ông L thường xuyên đi nhậu về có hành vi bạo lực gia đình đánh đập bà S vô cớ, vợ chồng thường xảy ra cãi lộn và xô xát lẫn nhau bị công an phường D lập biên bản rất nhiều lần. Quá sức chịu đựng nên bà S và ông L đã sống ly thân từ tháng 5/2019 cho đến nay. Tuy nhiên đến ngày 30/11/2019 trên đường đi làm về thì bà S lại bị ông L chặn đường đánh gây thương tích. Ông L thì cho rằng do bà S thường xuyên ăn nhậu với người đàn ông khác và có mối quan hệ quá thân mật nên ông L ghen từ đó mới xảy ra xô xát chứ không phải tự nhiên ông L đánh bà S vô cớ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và bà S bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 5/2019 vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông, bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu của bà S cho bà S được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà Dương Thị Thu S và ông Trần Duy L tự khai. Trong thời gian chung sống bà Dương Thị Thu S và ông Trần Duy L có một con chung tên là Trần Thị Mỹ L1 (nữ), sinh ngày 23/6/1997. Đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị Thu S và ông Trần Duy L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà Dương Thị Thu S phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Dương Thị Thu S với ông Trần Duy L.

2. Về con chung: Bà Dương Thị Thu S và ông Trần Duy L tự khai trong thời gian chung sống bà Dương Thị Thu S và ông Trần Duy L có một con chung tên là Trần Thị Mỹ L1 (nữ), sinh ngày 23/6/1997. Đã trưởng thành, có gia đình

riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị Thu S và ông Trần Duy L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Dương Thị Thu S phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004786 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà S đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- UBND phường 4, TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Thanh Loan